**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/Likenest/2025

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH LIKE NEST**

Địa chỉ: 165-167 Lê Thị Riêng, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.668.17217 – 0767.677.617 – 0888. 788.477

Email: yensaolikenest@gmail.com Website: yensaolikenest.com

Mã số doanh nghiệp: 0317117381

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: sản phẩm gia công

## II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung: Yến chưng sẵn vị đông trùng hạ thảo Like nest 32%**

2. Thành phần: Trong 70 ml chứa: nước 58%, sợi yến tươi tổng hợp 32%, đường tinh luyện 3%, đường phèn 2%, nấm đông trùng hạ thảo 2%, chất làm dày (INS 418, INS 327), collagen thủy phân 50 mg, canxi 50 mg, taurine 30 mg, hương yến tổng hợp 0,025%, màu thực phẩm 0,001%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất (Hạn sử dụng được in trên bao bì)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì: Bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là bao bì thủy tinh, nắp nhôm, bên ngoài là hộp giấy cứng. Bao bì đảm bảo an toàn khi tiếp xúc với thực phẩm theo Bộ Y Tế và thân thiện với môi trường. Bao bì đảm bảo sạch và kín
- Quy cách đóng gói: Thể tích thực: 70 ml/hũ (lọ)

Hộp 1 hũ (lọ); Hộp 3 hũ (lọ); Hộp 6 hũ (lọ); Khay 10 hũ (lọ)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ KIVACO
- Địa chỉ: 18 Đường Thới Tam Thôn 10, Ấp Trung Đông 1, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Số giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: Giấy chứng nhận ISO số: ISOQ.24060071-023, ngày cấp: 10/08/2024, nơi cấp: Tổ chức chứng nhận ISOQ Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (*đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

**MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**Thực phẩm bổ sung: Yến chưng sẵn vị đông trùng hạ thảo Like nest 32%**

Thành phần: Trong 70 ml chứa: nước 58%, sợi yến tươi tổng hợp 32%, đường tinh luyện 3%, đường phèn 2%, nấm đông trùng hạ thảo 2%, chất làm dày (INS 418, INS 327), collagen thủy phân 50 mg, canxi 50 mg, taurine 30 mg, hương yến tổng hợp 0,025%, màu thực phẩm 0,001%.

Hướng dẫn sử dụng: Lắc đều trước khi dùng. Ngon hơn khi uống lạnh. Sau khi mở lọ nên bảo quản mát và dùng trong 24h.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất (Hạn sử dụng được in trên bao bì)

Hướng dẫn bảo quản: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Thể tích thực: 70 ml/ hũ (lọ)

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng in trên bao bì. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu đã mở nắp trước đó.

Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

**CÔNG TY TNHH LIKE NEST**

Địa chỉ: 165-167 Lê Thị Riêng, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.668.17217 – 0767.677.617 – 0888. 788.477

Email: yensaolikenest@gmail.com

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ KIVACO

Địa chỉ sản xuất: 18 Đường Thới Tam Thôn 10, Ấp Trung Đông 1, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Số tự công bố: 02/Likenest/2025

Trên bao bì có ghi nhãn hàng hóa theo:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 6-2/2010/BYT** (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn)

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/mL | 100 |
| 2 | Coliforms | CFU/mL | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/mL | Không có |
| 4 | Clostridium perfringens | CFU/mL | Không có |
| 5 | Streptococci feacal | CFU/mL | Không có |
| 6 | Tổng số bào tử nấm men nấm mốc | CFU/mL | 10 |
| 7 | Pseudomonas aeruginosa | CFU/mL | Không có |
| 8 | Staphylococcus aureus | CFU/mL | Không có |
| 9 | Chì (Pb) | mg/kg | 0,05 |

**- Bảng thông tin dinh dưỡng**

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố/100g |
|---|---|---|---|
| 1. | Năng lượng | Kcal | 24,3 ± 20% |
| 2. | Protein/ Chất đạm | g | 0,36 ± 20% |
| 3. | Carbohydrat | g | 5,70 ± 20% |
| 4. | Đường tổng số | g | 5,44 ± 20% |
| 5. | Chất béo | g | 0 |
| 6. | Natri | mg | 15,6 ± 20% |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.... tháng.... năm 2025*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

CÔNG TY TNHH LIKE NEST

**TRƯƠNG VŨ TUẤN CƯỜNG**

Số/No.: 2505769-5/KQ
Trang/ Page: 1/3

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505395/KG
Mã số mẫu/ Sample Code : 25051614

| | | |
|---|---|---|
| Tên khách hàng/ *Customer* | : | **CÔNG TY TNHH LIKE NEST** |
| Địa chỉ/ *Address* | : | 165-167 Lê Thị Riêng, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* | : | 08/05/2025 — Ngày trả kết quả/ *Date of issue* : 16/05/2025 |
| Thời gian thử nghiệm/ *Testing time* | : | 08/05/2025 – 15/05/2025 |
| Tên mẫu/ *Name of sample* | : | **Thực phẩm bổ sung: Yến chưng sẵn vị đông trùng hạ thảo Like nest 32%** |
| Tình trạng mẫu/ *State of sample* | : | **- Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.**<br>**- Mẫu thực phẩm đựng trong hũ thủy tinh kín.** |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**
*Technical Manager*

**ThS. Hồ Phùng Tâm**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI

**Nguyễn Lê Phương Nhật**

NEWCENLAB

Mã số/ Code : 2505395/K
Mã số mẫu/ : 25051614
Sample Code

| STT No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS | ĐƠN VỊ UNIT | PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD | KẾT QUẢ RESULT |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Năng lượng | Kcal/100g | TCVN 7088:2015 | 24,3 |
| 2 | Carbohydrate | g/100g | TKM-TN-351 (Ref. AOAC 986.25) | 5,70 |
| 3 | Protein (N×6,25) | g/100g | TKM-TN-204:2022 (*) (Ref. Fao Food 14/7, page 221-223) | 0,36 |
| 4 | Chất béo | g/100g | TKM-TN-205:2022 (*) (Ref. Fao Food 14/7, page 214) | KPH (LOD = 0,1) |
| 5 | Đường tổng | g/100g | TKM-TN-103:2019 (*) (Ref. TCVN 4594:1988) | 5,44 |
| 6 | Natri (Na) | mg/100g | AOAC 969.23 | 15,6 |
| 7 | Chì (Pb) | mg/kg | AOAC 999.11 (*) | KPH (LOD = 0,01) |
| 8 | *Escherichia coli dương tính β-glucuronidase* | CFU/ml | TCVN 7924-2:2008 (*) | <1 |
| 9 | *Coliforms* | CFU/ml | TCVN 6848:2007 (*) | <1 |
| 10 | *Staphylococcus aureus* | CFU/ml | TCVN 4830-1:2005 (*) | <1 |
| 11 | *Clostridium perfringens* | CFU/ml | TCVN 4991:2005 (*) | <1 |
| 12 | *Streptococci faecal* | CFU/ml | TKM-TN-240:2023 (*) Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000) | <1 |
| 13 | *Pseudomonas aeruginosa* | CFU/ml | TKM-TN-239:2023 (*) Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010) | <1 |
| 14 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/ml | TCVN 4884-1:2015 (*) | <1 |
| 15 | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/ml | TCVN 8275-1:2010 (*) | <1 |

*Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.*

- *Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL tương ứng "không phát hiện" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or 1 CFU/mL corresponding "Not detected" when the dishes examined contain no colonies.*
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.*

Mã số/ Code : 2505395/KG
Mã số mẫu/ : 25051614
Sample Code

# NUTRITION FACTS
# THÔNG TIN DINH DƯỠNG

| | |
|---|---|
| **Serving Size/** *Khẩu phần* | **100g** |
| **Amount Per Serving/** *Hàm lượng cho mỗi khẩu phần* | |
| **Calories/ *Năng lượng*** | **24** |
| **% DV*/Phần trăm giá trị dinh dưỡng hàng ngày*** | |
| **Total Fat/ *Tổng chất béo*** 0g | **0%** |
| **Sodium/ *Natri*** 15.6mg | **0.68%** |
| **Total Carbohydrate/ *Tổng Carbohydrate*** 5.70g | **2.07%** |
| Total Sugars/ *Đường tổng* 5.44g | |
| **Protein/ *Chất đạm*** 0.36g | |

*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2.000 calories a day is used for general nutrition advice.
*Giá trị phần trăm căn cứ trên 2.000 kcal/ngày. Giá trị hàng ngày của bạn có thể cao hơn hoặc thấp hơn tùy thuộc vào năng lượng mà cơ thể cần.*